

Bản án số: 54/2019/HS-ST

Ngày 23/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười – cán bộ nghỉ hưu
2. Ông Nguyễn Quang Hợp – Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ,
tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý
số: 52/2019/TLST-HS ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
57/2019/QĐXXST-HS ngày 12/6/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Văn Đ**, sinh ngày 25/5/1992 xã P, huyện Đ, tỉnh Thái
Nguyên

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:
Làm ruộng; Học vấn: 0/12.

Con ông: Không xác định được Con bà: Hồ Thị S- 1949. Chưa có vợ.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/4/2019. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Ôn Thị P – 1997 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ Lương, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

• Người làm chứng:

Chị Lã Thị T- 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ Lương, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

• Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dung – Trợ giúp viên
pháp lý – Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh Nghĩa - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Hồ Văn Đ và Ngô Văn T là bạn bè với nhau. Chiều ngày 24/4/2019 T đến nhà Đ Chơi và ăn cơm tối tại nhà Đ. Sau khi ăn cơm xong, T dùng điện thoại của mình và gọi điện thoại qua hình ảnh cho Ôn Thị P có nick là “P Bé”. (P bị khuyết tật bẩm sinh liệt 02 chân). Sau khi gọi xong thì Đ mượn điện thoại của T để xem hình ảnh của P. Sau đó Đ xin số điện thoại của P để kết bạn với P. Sau khi kết bạn Đ dùng điện thoại của mình và gọi qua mạng Zalo với P. Đ ngỏ lời với P đến nhà nói chuyện với gia đình P xin cưới P nhưng P không đồng ý.

Trưa ngày 25/4/2019 Đ đến nhà T chơi. Sau khi ăn cơm và uống rượu xong Đ nói với T là đã tán đổ P và nhờ T chở Đ sang nhà P. Do không biết ý định của Đ nên T đồng ý và chở Đ sang nhà P và sau đó T đi về. Một mình Đ vào nhà chị P, thấy chị P đang ngồi dưới nền nhà nên Đ tiến đến và bế chị P ra bàn uống nước tại phòng khách. Lúc này chị P và bố mẹ chị P là Ôn Văn N và Lã Thị T ngồi đối diện với Đ. Đ đặt vấn đề với ông N, bà T xin được tìm hiểu P và cưới P làm vợ nhưng không ai đồng ý. Sau đó ông N và bà T đi làm. Lúc này trong nhà còn lại chị P, Đ và Ôn Gia B là em chị P ở nhà và xem vô tuyến. Khoảng 15 giờ thì B đi chơi. Thấy không còn ai ở nhà Đ sang ghé chị P đang ngồi và ngồi sát cạnh chị P. Đ đặt vấn đề yêu chị P nhưng chị P từ chối và nói đã có người yêu. Đ nói “Nếu anh làm tới thì em làm sao” và dùng hai tay ôm chặt chị P, ôm hôn chị P và đè xuống ghế. Chị P không đồng ý và la hét thì Đ tiếp tục hôn chị P để chị P không kêu được. Chị P dùng hai tay đẩy Đ ra nhưng do sức khỏe yếu nên không đẩy được. Đ dùng tay kéo quần dài và quần lót chị P xuống đầu gối và tụt một bên ra khỏi chân, sau đó Đ cởi quần của mình xuống mông và đưa dương vật vào âm hộ chị P. Do bị đau nên chị P tiếp tục kêu và la hét, bà T nghe tiếng con gái la hét chạy về và cầm một đoạn gậy. Khi vào đến nhà thấy chị P quần bị cởi một bên chân, còn Đ đang kéo quần thì bà T dùng gậy vụt 02 nhát vào lưng của Đ. Đ bỏ chạy lên đồi và bỏ lại 01 đôi dầy vải màu đen.

Sau khi sự việc xảy ra chị P đã làm đơn trình báo Công an xã Đ và Công an huyện Đ và đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với Hồ Văn Đ.

Tại bản kết luận giám định số 18/TD ngày 25/4/2019 của Trung tâm giám định pháp y- Sở y tế tỉnh Thái Nguyên đối với Ôn Thị P kết luận: Âm hộ tại vị trí 6h có vết rách mới, rỉ máu. Màng trinh không bị rách. Không tìm thấy tinh trùng, xác tinh trùng trên tiêu bản soi tươi.

Chị P yêu cầu Đ bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 56/ CT-VKSĐT ngày 31/5/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Hồ Văn Đ về tội “Hiếp dâm” theo khoản 1 Điều 141 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 141; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 42 đến 48 tháng tù về tội “Hiếp dâm”. Buộc bị cáo bồi thường cho chị P số tiền là 20.000.000 đồng, xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo nhận tội do vậy về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo người bào chữa không có ý kiến tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của BLHS vì mẹ bị cáo là dân công hỏa tuyến có giấy chứng nhận. Bị cáo là hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án 36 tháng tù là phù hợp.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Về tội danh của bị cáo đã rõ ràng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo không bồi thường, không tác động gia đình bồi thường cho bị hại do vậy mức án đề nghị của VKS là phù hợp. Về dân sự đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho chị Ôn Thị P số tiền là 20.000.000 đồng.

Viện kiểm sát đối đáp: Mức án và hình phạt cho bị cáo như đề nghị của VKS là phù hợp đề nghị HĐXX xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo Đ khai: Chiều ngày 24/4/2019 thông qua T là bạn của bị cáo, bị cáo làm quen với Ôn Thị P qua mạng xã hội và biết P nhà ở xóm Đ, xã Đ. Đến trưa ngày 25/4/2019 bị cáo nói với T là đã tán đổ P và nhờ T đèo bị cáo sang nhà P. Khi sang đến nhà P thì có bố mẹ P ở nhà. Bị cáo đặt vấn đề tìm hiểu P nhưng bố mẹ P và P không đồng ý. Khoảng 15 giờ thì bố mẹ P đi làm hết. Một lúc sau em trai P cũng đi chơi. Lúc này bị cáo sang ngồi sát với P và nói nếu anh làm tới thì sao. P không đồng ý, thì bị cáo ôm P và hôn P để P không kêu được. Sau đó bị cáo tụt quần của P và quần của bị cáo để giao cấu với P. Khi bị cáo đang giao cấu với P, do P bị đau nên kêu gào thì mẹ của P từ ngoài chạy về. Thấy vậy mẹ P đã dùng gậy vọt vào lưng bị cáo và bị cáo bỏ chạy lên đồi.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định. Như vậy hành vi dùng vũ lực giao cấu trái ý muốn của Hồ Văn Đ đối với chị Ôn Thị P đã phạm tội “Hiếp dâm ” phạm vào khoản 1 Điều 141 của BLHS.

Điều 141 của BLHS quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền bất khả xâm phạm về tình dục, nhân phẩm danh dự của phụ nữ mà trong vụ án này là chị Ôn Thị P. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng đó là phạm tội đối với người không thể tự vệ được được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của BLHS..

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân: Cho đến thời điểm bị cáo phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đây là tình tiết nhân thân được xem xét trong quá trình nghị án.

{5}. Đánh giá ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của BLHS là không có căn cứ. Theo quy định thì bố, mẹ của bị cáo là người có công với nước hoặc được tặng thưởng

Huân, Huy chương mới được coi là tình tiết giảm nhẹ. Do vậy mẹ bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến không phải là được tặng thưởng Huân, Huy chương. Về việc miễn án phí hình sự và dân sự cho bị cáo thì theo quy định bị cáo chỉ được miễn án phí dân sự.

{6}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tình chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần nên cần xử bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm là phù hợp.

{7}. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra chị P yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường 20.000.000 đồng nên áp dụng Điều 592 của BLDS ghi nhận việc bị cáo bồi thường số tiền trên cho chị P.

{8}. Về vật chứng: 03 phong bì niêm phong ký hiệu NS1...256 chứa đôi dây của Đ, 01 phong bì ký hiệu NS1...257 chứa quần áo của chị P, 01 đoạn gậy cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu A cần tịch thu sung công.

{9}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

T bố: **Hồ Văn Đ** phạm tội; “Hiếp dâm”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm k khoản 1 Điều 52 của BLHS. Điều 329 của BLTTHS.

Xử phạt: **Hồ Văn Đ:** 03 năm 06 tháng tù (Ba năm sáu tháng). Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/4/2019. Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

***Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 529 của BLDS; Điều 48 của BLHS. Buộc Hồ Văn Đ bồi thường cho chị Ôn Thị P số tiền là 20.000.000 đồng.

***Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong ký hiệu NS1...256 và NS1...257 và 01 đoạn gậy gỗ.

Tịch thu sung công 01 điện thoại trong phong bì ký hiệu A.

(QĐ chuyển vật chứng số 47/QĐ-VKSĐT ngày 31/5/2019)

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Đ phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công. Miễn án phí dân sự cho bị cáo Đ.

Báo cho bị cáo, biết biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đ (3b);
- VKSND huyện Đ (1b);

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. Đ (1b);
- THAHS (04b);
- Bị cáo (1b);
- Lưu hồ sơ (1b).

LƯƠNG ĐỨC LONG